

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN LẠC  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 03/8/2023.

V/v tranh chấp Ly hôn giữa  
chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn N.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Yên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đinh Thị Phong  
2. Ông Bùi Văn Trọng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị D**, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình - Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Anh **Bùi Văn N**, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình ngày 03/01/2017. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn, anh N không quan tâm, chăm lo cho chị từ thời gian chị mang thai. Sau đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm do anh N đi làm ăn xa nhà và không quan tâm nên chị và anh N sống ly thân từ năm 2018 đến nay tình cảm phai nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không hàn gắn được, năm 2018 tôi đã về nhà mẹ đẻ sinh con. Nay chị Bùi Thị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn N. Về con chung: Chị D và anh N có 01 con

chung là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2018. Khi ly hôn chị D đề nghị nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung do từ nhỏ con do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D chưa yêu cầu anh N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, vì đã từ lâu anh N không còn quan tâm gì đến con chung. Về tài sản chung, chị Bùi Thị D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Về phía anh Bùi Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh N thể hiện anh N có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị D đã cung cấp nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú do đi làm ăn xa, không có chỗ ở ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Bùi Văn N. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn N không có tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh N, do vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh N có mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đã sống ly thân nhiều năm và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về việc nuôi con, cần xem xét nguyện vọng và điều kiện sống của con, cháu Bùi Thị Thu H gần 5 tuổi đang học tập, sinh sống ổn định cùng chị D tại xã V, huyện L nên cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Quá trình giải quyết vụ án anh N đã không đến Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án cũng như thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chị D chưa yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản do chị D khai không có và không yêu cầu giải quyết, nợ chung của vợ chồng không có nên không đề nghị xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Bùi Văn N không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh N đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự cho anh N. Do bị đơn là anh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hơn nữa chị D là nguyên đơn trong vụ án cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh N khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa chị D và anh N được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị D và anh N có xảy ra bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc mà bỏ mặc nhau nhiều năm. Việc không quan tâm chăm sóc nhau đã được Tòa án xác minh thể hiện vợ chồng chị D và anh N đã sống ly thân nhau, anh N đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về nhưng không quan tâm đến cuộc sống của chị D và con chung. Như vậy chị D và anh N đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị D là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Xác nhận chị D và anh N có 01 con chung là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2018. Khi ly hôn chị D đề nghị trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành. Xét điều kiện nuôi con thấy rằng: Phía chị D từ khi mang thai đến sinh con và nuôi dưỡng con chung còn anh N đã bỏ mặc mẹ con chị D, giao phó con cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Về phía anh N đi làm ăn xa nhà, không quan tâm chăm sóc con chung, không đến Tòa án để trình bày về nguyện vọng về việc ly hôn cũng như nuôi con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của Chị D và con chung, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận giao cháu là Bùi Thị Thu H cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị D chưa yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là ý kiến tự nguyện của chị D, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Bùi Thị D khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và việc anh Bùi Văn N vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh N do đó không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được xem xét bằng vụ việc khác.

[5] *Về nợ chung:* Không có.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị D về việc xin ly hôn; xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn với anh Bùi Văn N.

2. Về nuôi con: Giao 01 con chung của chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn N là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2018 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D chưa yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002825 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; chị Bùi Thị D đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện T; tỉnh Hòa Bình
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T, tỉnh Hòa Bình;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình  
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 03/01/2017)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
*(đã ký tên, đóng dấu)*

**Hà Thị Yến**